

Số: **23/2021/QĐST- HNGĐ**

*Quỳnh Phụ, ngày 03 tháng 02 năm 2021*

**QUYẾT Đ**

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm d, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Biên bản các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết Đ ngày 25 tháng 01 năm 2021

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 311/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT Đ:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ 17, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn Đào Xá, xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T:* Ông Lê Chí Diên – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Khang Ngát, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn Đào Xá, xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021)*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1947

Địa chỉ: Bản Re 2, Khe Bon, xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái

2. Nguyễn Đức Bạ, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Hạt 7, giao thông, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

3. Anh Bùi Quang T, sinh năm 1984

4. Chị Lê Thị L, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn Đào Xá, xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*(Theo sổ mục kê thửa đất số 289, tờ bản đồ số 03, diện tích 400 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Thôn Đào Xá, xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đo đạc năm 1998). Sau khi đo đạc hiện trạng các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất như sau:*

2.1 Ông Nguyễn Duy Đ được quyền sử dụng một phần (*thửa đất số 289, tờ bản đồ số 03*) diện tích: **72,9 m<sup>2</sup>** (loại đất ở nông thôn) địa chỉ: Thôn Đào Xá, xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có các cạnh như sau:

Phía Đông giáp đất ông Tập có chiều dài 9.47m + 6.05m;

Phía Tây giáp đất bà T chiều dài 15.50 m;

Phía Nam giáp đất bà T chiều dài 4,50 m;

Phía Bắc giáp đường giao thông chiều dài 4,50 m;

2.2 Bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng một phần (*thửa đất số 289, tờ bản đồ số 03*) diện tích: **178.0m<sup>2</sup>** (trong đó 67,1m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 110.9 m<sup>2</sup> đất lâu năm khác) địa chỉ: Thôn Đào Xá, xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có các cạnh như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đ và ông Tập có chiều dài: 15.50 m + 4.50m + 3.50m + 5.43m ;

Phía Tây giáp đất anh T2 và chị L chiều dài 10.36 m + 3.14m + 7.43m

Phía Nam giáp đất ao bà T chiều dài 6,31 m + 3.90m;

Phía Bắc giáp đường giao thông dài 7,77 m;

2.3 Anh Bùi Quang T2 và chị Lê Thị L được quyền sử dụng một phần (*thửa đất số 289, tờ bản đồ số 03*) diện tích **138.7m<sup>2</sup>** (trong đó 60,0m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 78,7 m<sup>2</sup> đất lâu năm khác) địa chỉ: Thôn Đào Xá, xã An Đồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có các cạnh như sau:

Phía Đông giáp đất bà T có chiều dài 10.36 m + 3.14m + 7.43m;

Phía Tây giáp đất ông Chấn chiều dài 21.27 m;

Phía Nam giáp đất ao bà T chiều dài 6.28 m + 0.16m;

Phía Bắc giáp đường giao thông dài 6.77 m;

*(có sơ đồ kèm theo diện tích thửa đất của ông Đ, bà T, anh T2 và chị L)*

*Về án phí:* Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết Đ cho nên không phải chịu án phí.

**3.** Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết Đ này được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã An Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Huy Hoàng**